

Hành trình tìm ĐẠO và sự chuyển hóa từ như lý tác ý

ISSN: 2734-9195 09:45 23/02/2025

Hành trình trở về với bản tâm thanh tịnh, tìm ĐẠO không phải là sự chạy theo điều mới mẻ hay xa vời, mà là hành trình quay trở về với chính mình, cũng giống như cái cây không cần di chuyển hay tìm kiếm gì bên ngoài mà vẫn có thể nuôi dưỡng sự sống và lan tỏa lợi ích từ chính nơi nó đứng.

Có lẽ trong đời ai cũng từng có những khoảnh khắc đứng giữa ngã ba đường, lòng đầy trăn trở về hướng đi đúng đắn. Đó không chỉ là sự lạc lối về phương hướng, mà còn là sự hoang mang tận sâu trong tâm hồn. Tôi cũng đã từng như thế, bơ vơ giữa biển đời, khát khao tìm kiếm một ánh sáng chân lý để dẫn lối, tôi khao khát muốn tìm một người thầy có thể chỉ đường, dẫn lối cho tôi trên con đường cầu đạo. Đạo mà tôi muốn tìm kiếm, là đạo lý, chân lý về bản chất sự thật trong mỗi hiện tượng, sự vật, một con đường đạo để tôi được nương tựa làm kim chỉ nam cho mỗi hướng đi, quyết định, lựa chọn của tôi.



Tôi nhớ ngày ấy, trong sự bất lực và mong cầu mãnh liệt nhất, tôi đã đến chùa Một Cột (Hà Nội). Giữa không gian linh thiêng và tĩnh lặng, trước tượng Quán Thế Âm Bồ tát, tôi khẩn nguyện: *“Con muốn cầu đạo, muốn tu tập theo đạo Phật nhưng chưa gặp được người thầy hay tài liệu phù hợp, giữa mênh mông tri thức con không biết lựa chọn cuốn sách nào để đọc, người thầy nào trong những ngôi chùa làm thầy để theo. Con như kẻ lữ hành lạc lõng, giữa sa mạc mênh mông không tìm thấy dòng nước mát của chân lý. Xin Quán Thế Âm Bồ tát chỉ đường dẫn lối, cho con được gặp đúng thầy, đúng pháp phù hợp với con để con xác định được hướng đi cuộc đời mình”*.

Khi ấy, tôi tin rằng chỉ cần lời cầu khẩn đủ chân thành, sự trợ giúp sẽ đến. Và quả thật, sau đó, tôi đã gặp nhiều người thầy, từ những bậc thầy tâm linh đến những vị giảng dạy phật pháp. Mỗi người mang đến cho tôi một mảnh ghép của sự hiểu biết. Dù học hỏi từ nhiều nơi, tôi vẫn cảm thấy thiếu vắng một điều gì đó sâu sắc, tôi vẫn chưa thực sự tìm được thứ mình muốn. Tựa như một người lạc giữa biển, dù xung quanh là nước nhưng vẫn khát khô vì chưa tìm được nguồn nước ngọt đích thực.



Thức tỉnh từ nhân duyên và vô thường

Mãi về sau, tôi mới hiểu được một nguyên lý mà trước đây tôi không mấy để ý: mọi cuộc gặp gỡ đều là nhân duyên. Không có cuộc gặp nào là ngẫu nhiên, và không phải người thầy nào cũng xuất hiện để trao cho ta bài học đúng như kỳ vọng.

Có người thầy đến để dạy ta tri thức. Có người thầy đến chỉ để thử thách lòng kiên nhẫn. Và đôi khi, chính những thất bại, những lần lạc lối, cũng là bài học sâu sắc nhất mà cuộc đời ban tặng.

Vạn pháp đều vô thường. Mọi thứ trong cuộc sống đều thay đổi không ngừng, từ hình dáng của một chiếc lá rơi, dòng nước chảy qua khe suối, cho đến tâm niệm trong lòng ta. Sự thất vọng, nỗi khát khao, hay niềm vui ngắn ngủi đều chỉ là những đợt sóng lăn tăn trên mặt hồ, rồi cũng sẽ tan biến.

Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya) nói về nguyên lý Paticca Samuppāda - Duyên khởi: *"Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sinh, cái kia sinh."* Điều này nhắc nhở chúng ta rằng, mọi sự xuất hiện trong cuộc đời đều có lý do và đều liên kết chặt chẽ với nhau trong một chuỗi tương quan. Mỗi cuộc gặp gỡ,

mỗi hoàn cảnh dù vui hay buồn, đều là kết quả của nhân duyên từ quá khứ và hiện tại. Ngay cả những người khiến ta tổn thương cũng có thể là một phần của bài học lớn, giúp ta rèn luyện lòng từ bi và trí tuệ. Như trong Kinh Pháp Cú (Dhammapada): *“Oán thù không thể dập tắt oán thù, chỉ có lòng từ bi mới có thể hóa giải oán thù. Đó là chân lý muôn đời.”*

Hiểu được vô thường không chỉ là chấp nhận sự thay đổi mà còn là mở lòng đón nhận mọi biến động như một phần tự nhiên của cuộc sống. Kinh Vô Thường (Anitya Sutra) nhấn mạnh rằng: *“Tất cả các pháp hữu vi đều là vô thường. Hãy tinh tấn mà tỉnh giác.”* Chấp nhận vô thường giúp ta giải thoát khỏi sự bám víu vào những điều nhất thời. Khi hiểu rằng không có điều gì là mãi mãi, ta sẽ nhẹ nhàng hơn khi đối diện với mất mát và buông bỏ những mong cầu không thực tế. Đây cũng chính là nền tảng của sự an lạc trong giáo lý Phật giáo.

Mỗi thử thách, mỗi lần thất bại đều là cơ hội để quán chiếu, thực hành chính niệm (sati) và trí tuệ (prajñā) sẽ được khai mở hơn. Chẳng hạn, khi đối diện với đau khổ, thay vì tìm cách chạy trốn, ta có thể quán chiếu mọi sự vật hiện tượng đã xảy ra, nhận diện cảm xúc, nhận biết nguồn gốc để thấu hiểu tường tận nguyên nhân kết quả. Như lời dạy trong Kinh Tứ Niệm Xứ (Satipatthana Sutta): *“Hãy quán sát thân trong thân, thọ trong thọ, tâm trong tâm, pháp trong pháp, với chính niệm và tỉnh giác.”* Giải thích ngắn gọn là nhận biết rõ ràng cơ thể mình trong từng hành động và trạng thái (đi, đứng, nằm, ngồi, hơi thở...). Chỉ đơn thuần nhận diện mà không phán xét (quán thân trong thân). Nhận biết cảm thọ (cảm giác) đang diễn ra, dù là vui, buồn hay trung tính, với thái độ chính niệm, không dính mắc hay xua đuổi.(quán thọ trong thọ). Quan sát trạng thái tâm lý (tham, sân, si, bình an...) một cách khách quan, không đồng hóa với nó.(quán tâm trong tâm). Nhận diện các hiện tượng, quy luật vận hành của vạn pháp như vô thường, khổ, vô ngã trong thực tại, luôn giữ sự nhận biết rõ ràng, không bị cuốn theo vọng tưởng hay cảm xúc.(quán pháp trong pháp). Tóm lại, câu này dạy ta sống trong hiện tại, quan sát sâu sắc thân-tâm để hiểu rõ bản chất của mọi sự vật và đạt được trí tuệ giải thoát.

Khi hiểu rõ về nhân duyên và vô thường, ta không còn bị ràng buộc bởi mong cầu hay sợ hãi. Thay vào đó, ta có thể sống trọn vẹn với từng khoảnh khắc, trân trọng từng bài học dù nhỏ nhất trên hành trình của mình. Như lời đức Phật nhắc nhở trong Kinh Di Giáo: *“Các con hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi.”* Sự thức tỉnh không nằm ở người thầy bên ngoài, mà chính là ánh sáng từ nội tâm khi ta thực sự hiểu và chấp nhận sự thật của nhân duyên và vô thường.



Như lý tác ý - chìa khóa mở tù bên trong mỗi người

Chính trong những giây phút quán chiếu sâu sắc, tôi mới nhận ra sự thật giản dị nhưng đầy sức mạnh: Không phải tha lực từ bên ngoài, mà chính tự lực mới là nền tảng vững chắc nhất.

Như lý tác ý không chỉ là một giáo lý, mà là một phương pháp thực hành để dẫn dắt tâm trí đi đúng hướng. Đó là khả năng nhận diện và điều chỉnh từng suy nghĩ, từng ý niệm, để tâm không còn bị dẫn dắt bởi vọng tưởng hay dục vọng.

Tôi bắt đầu tự hỏi mình mỗi khi khởi tâm: Liệu suy nghĩ này có đúng với chân lý không? Hành động này có xuất phát từ lòng từ bi và trí tuệ không?

Chỉ khi tâm khởi đúng, mọi hành động, lời nói mới trở nên thanh tịnh và mang lại lợi ích thực sự. Tôi nhận ra rằng, tìm cầu bên ngoài chỉ là duyên trợ, còn chính mình mới là người duy nhất chịu trách nhiệm cho sự giải thoát của bản thân.

Để hiểu sâu hơn về giá trị của như lý tác ý, ta có thể liên hệ trực tiếp với các nền tảng cốt lõi của Phật giáo như Tứ Diệu Đế và Bát Chính Đạo. Trong Tứ Diệu Đế, đức Phật chỉ ra rằng khổ đau (Dukkha) là điều không thể tránh khỏi trong cuộc sống, nhưng nguyên nhân của khổ (Samudaya) bắt nguồn từ ái dục và vô minh. Như lý tác ý chính là chìa khóa giúp ta nhận diện những gốc rễ này, từ đó thực hành đoạn trừ.

Khi áp dụng như lý tác ý, ta đang bước vào hành trình thực hành Chính Tư Duy trong Bát Chính Đạo. Chính Tư Duy hướng tâm đến từ bi, vô hại và buông xả, giúp tâm thoát khỏi những suy nghĩ tiêu cực và dục vọng sai lầm. Trong kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya) viết rằng: "*Này các Tỷ-kheo, như lý tác ý đưa đến đoạn tận phiền não, không như lý tác ý đưa đến tích tụ phiền não.*" (SN 46.51).

Không chỉ là một lý thuyết trừu tượng, như lý tác ý mang tính ứng dụng cao trong đời sống thường nhật. Mỗi suy nghĩ khởi lên đều là một cơ hội để ta thực hành chính niệm và tỉnh giác. Khi đối diện với khó khăn, thay vì buông mình theo thất vọng hay sân hận, hãy quán chiếu: Liệu cảm xúc này có thực sự phản ánh bản chất của vấn đề? Tôi có đang nhìn nhận sự việc bằng lòng từ và trí tuệ không?

Chỉ với một khoảnh khắc tác ý đúng, ta có thể chuyển hóa một cảm xúc tiêu cực thành sự an nhiên và thấu hiểu. Đây chính là sức mạnh của tự lực, sức mạnh của nội tâm tỉnh thức.

Trong hành trình tu tập, như lý tác ý là một chiếc la bàn định hướng tâm hồn về đúng phương hướng. Khi mỗi suy nghĩ được soi sáng bởi trí tuệ và lòng từ, ta không chỉ tìm thấy sự bình yên trong hiện tại mà còn từng bước tiến gần hơn đến sự giải thoát chân thật.

Như lời dạy trong Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya): "*Tâm dẫn đầu các pháp, tâm là chủ, tâm tạo tác. Nếu với tâm ô nhiễm mà nói hay hành động, khổ não sẽ theo sau như bánh xe theo chân con vật kéo xe.*" Khi ta thực hành như lý tác ý, ta đang vun bồi một tâm thanh tịnh, từng bước thoát khỏi khổ đau và tìm thấy tự do từ bên trong.



Tự lực và Tha Lực - 2 cánh của một hành trình

Nhiều người thường hiểu lầm rằng cầu nguyện là phó mặc số phận cho tha lực. Nhưng theo tinh thần Phật giáo, cầu nguyện không phải là mong chờ phép màu xảy đến mà là một cách như lý tác ý để khởi tâm thiện lành, tạo duyên lành để tự lực vững chắc hơn. Tha lực như ánh sáng từ ngọn hải đăng giữa đêm tối, nhưng chính đôi tay của ta mới có thể lèo lái con thuyền cuộc đời. Nếu chỉ ngồi chờ ánh sáng cứu rỗi, ta sẽ mãi lênh đênh giữa biển. Chính nhờ sự thực hành như lý tác ý, tôi dần học cách cân bằng giữa tự lực và tha lực. Tôi không còn tìm kiếm những phép màu bên ngoài, mà quay về bên trong, giữ tâm sáng suốt và kiên trì thực hành chính niệm mỗi ngày.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharma Puṇḍarīka Sūtra) nói rằng mọi chúng sinh đều có Phật tính, và ai cũng có khả năng tự mình giác ngộ. Điều này khẳng định rằng tự lực là nền tảng căn bản trên con đường tu tập. Đức Phật dạy: *"Các ông đều có khả năng trở thành Phật như Ta"*, đây một thông điệp mạnh mẽ về năng lực tự thân của mỗi người.

Tuy nhiên, trong truyền thống Tịnh Độ Tông, tha lực được nhấn mạnh qua niềm tin vào uy lực và từ bi của Phật A Di Đà. Khi hành giả niệm danh hiệu Phật A Di Đà với tâm chân thành, họ không chỉ kết nối với tha lực từ bi vô lượng mà còn tạo điều kiện cho sự phát triển của tự lực thông qua lòng tin và nguyện lực sâu sắc. Như trong Kinh A Di Đà có viết: *"Chỉ cần xưng niệm danh hiệu của Ngài một cách chí thành, người ấy sẽ được tiếp dẫn về cõi Cực Lạc."*

Trong thực tế, tự lực và tha lực không hề đối lập mà bổ trợ cho nhau. Tự lực giống như việc ta tự mình đi trên con đường, còn tha lực giống như ánh sáng mặt trời soi chiếu, giúp ta thấy rõ con đường ấy. Không có ánh sáng, ta dễ lạc lối; nhưng nếu chỉ có ánh sáng mà không tự mình bước đi, ta sẽ chẳng bao giờ đến đích.

Trên hành trình giác ngộ, những lời nhắc nhở của đức Phật như tôi đã nói ở trên là sự nỗ lực không ngừng của chính bản thân mình. Tuy nhiên, trong quá trình đó, niềm tin vào Phật, Pháp, Tăng như một nguồn tha lực có thể nâng đỡ và soi đường, giúp hành giả vững tâm trước những thử thách, nhận diện bản chất thực sự của sự vật hiện tượng.

Trong cuộc sống bận rộn ngày nay, nhiều người dễ bị cuốn vào áp lực và lo toan, khiến tâm trí xao động và mất phương hướng. Khi đó, cầu nguyện không chỉ là tìm kiếm sự an ủi, mà còn là phương tiện nhắc nhở quay về với chính mình, khởi lên tâm từ bi và trí tuệ. Đây chính là sự hòa quyện giữa tự lực và tha lực. Chẳng hạn, khi đối mặt với khó khăn trong công việc hay các mối quan hệ, việc thực hành thiền định hay đơn giản là một lời cầu nguyện chân thành có thể giúp tâm trở nên bình an, từ đó khơi dậy sức mạnh nội tại để giải quyết vấn đề.

Tự lực và tha lực trong Phật giáo không phải là hai thái cực đối lập, mà là hai cánh cửa của cùng một hành trình. Tha lực là nguồn ánh sáng từ bi nâng đỡ, nhưng tự lực mới là đôi chân đưa ta đến bến bờ an lạc. Sự cân bằng giữa hai yếu tố này sẽ giúp chúng ta sống một cuộc đời ý nghĩa, vững chãi và đầy trí tuệ, đúng như lời dạy: *"Tự mình làm điều ác, tự mình làm điều lành; thanh tịnh hay ô nhiễm đều do chính mình."* (Kinh Pháp Cú, câu 165)



Đường đạo là con đường tìm kiếm TÂM

Giờ đây, khi nhìn lại, tôi biết ơn những ngày tháng lạc lối và hoang mang. Không có con đường tắt nào dẫn đến sự tỉnh thức, chỉ có từng bước chân nhỏ bé nhưng vững chãi trên hành trình tu tập. Những vấp ngã và đau khổ không còn là những thất bại, mà trở thành cơ hội để quán chiếu và trưởng thành. Tôi vẫn luôn thích một câu nói mà mãi cho tới bây giờ tôi mới hiểu được, đó là: "*Hành trình vạn dặm bắt đầu bằng một bước chân*". Câu nói này là của Lão Tử (Laozi), một triết gia vĩ đại của Trung Quốc và là người sáng lập Đạo giáo. Câu này xuất phát trong tác phẩm Đạo Đức Kinh (*Tao Te Ching*), một trong những tác phẩm triết học cổ điển quan trọng nhất của Trung Quốc. Ý nghĩa của câu nói này là mọi hành trình, dù lớn lao hay khó khăn đến đâu, đều bắt đầu từ một hành động nhỏ đầu tiên. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bắt đầu và kiên trì, bởi chỉ khi dám bước đi thì con đường mới dần mở ra.

Kinh Tăng Chi Bộ (Aṅguttara Nikāya) từng dạy: "*Hãy là hòn đảo cho chính mình, là nơi nương tựa cho chính mình, không thể nương tựa vào ai khác.*" Lời dạy này

nhấn mạnh rằng con đường giác ngộ không nằm ở đâu xa, mà bắt nguồn từ chính bản thân mỗi người. Sự tỉnh thức không đến từ ngoại cảnh hay thần linh, mà từ sự quán chiếu sâu sắc vào nội tâm, từ việc thấu hiểu bản chất của khổ (*dukkha*), vô thường (*anicca*) và vô ngã (*anatta*). Hãy để sự cầu nguyện phát huy thật thiêng liêng như bản chất thực sự của nó, bằng cách biến nó không còn là một hành động ý lại, mà trở thành sự khởi phát của ý nguyện tu tập và phát triển trí tuệ (*prajñā*).

Trong Kinh Pháp Hoa (*Saddharma Puṇḍarīka Sūtra*), hình ảnh Quán Thế Âm Bồ tát là biểu tượng của từ bi và trí tuệ. Nhưng chính đức Phật cũng nhấn mạnh rằng Bồ tát chỉ là người soi sáng con đường còn việc bước đi trên con đường đó là trách nhiệm của mỗi cá nhân. Như câu kinh nổi tiếng trong Kinh Kim Cang (*Vajracchedikā Prajñāpāramitā Sūtra*): “*Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*”, hãy để tâm không bám víu vào bất kỳ điều gì, từ đó khởi sinh trí tuệ chân thật.

Có lẽ, hành trình tìm đạo không phải là cuộc tìm kiếm điều gì mới mẻ, không phải là hành trình vòng quanh trái đất, đặt chân lên những miền tâm linh, mà là quá trình trở về với bản tâm thanh tịnh, nơi mỗi ý niệm đều được khởi lên từ trí tuệ và từ bi, nơi ánh sáng chân lý chưa bao giờ tắt. Giống như tán cây sum suê trải qua nắng mưa khốc liệt của thời tiết nhưng vẫn đứng yên một chỗ tỏa bóng mát, làm lợi cho con người.

Hành trình trở về với bản tâm thanh tịnh, tìm ĐẠO không phải là sự chạy theo điều mới mẻ hay xa vời, mà là hành trình quay trở về với chính mình, cũng giống như cái cây không cần di chuyển hay tìm kiếm gì bên ngoài mà vẫn có thể nuôi dưỡng sự sống và lan tỏa lợi ích từ chính nơi nó đứng. Trong đạo Phật, điều này tương ứng với việc quay về quán chiếu tự tâm, tìm lại sự an nhiên và trí tuệ sẵn có bên trong mỗi con người. Sự tĩnh tại ấy không phải là sự thụ động, mà là sự vững chãi nội tâm giữa dòng đời biến động. Cây cối trải qua nắng mưa khốc liệt mà vẫn đứng vững tượng trưng cho quá trình tu tập và rèn luyện tâm hồn.

Trên con đường tìm ĐẠO, con người sẽ phải đối mặt với vô số thử thách, những “*cơn mưa rào*” của khổ đau, thất vọng hay “*cái cảm nắng*” của tham, sân, si (tam độc).

Thế nhưng, giống như cây vẫn đứng yên dù trải qua bao gian khó, người tu hành, cầu ĐẠO cũng cần giữ cho tâm mình bất động trước nghịch cảnh, không để ngoại cảnh lay chuyển. Đây chính là biểu hiện của sự kiên định và sức mạnh nội tâm, một yếu tố quan trọng trong việc giữ gìn trí tuệ và lòng từ bi. Dù không di chuyển, cái cây vẫn tỏa bóng mát và sinh khí, mang lại oxy cho muôn loài. Điều này phản chiếu một bài học lớn về sự lan tỏa của người có trí tuệ và lòng

từ bi. Một người đã tìm được sự bình an trong tâm hồn sẽ tự nhiên trở thành nguồn an ủi, động viên cho những người xung quanh mà không cần phải phô trương hay tìm kiếm danh lợi. Tâm không dính mắc thì dù ở đâu, trong hoàn cảnh nào cũng là an tịnh, tâm bình lặng thì trí tuệ phát sinh.



Sự tĩnh tại và thanh tịnh bên trong sẽ luôn tỏa sáng, dù thế giới bên ngoài có hỗn loạn thế nào đi nữa. Đây chính là sự hiện diện đầy sức mạnh của một tâm hồn đã giác ngộ. Ẩn dụ về tán cây không chỉ đơn thuần là hình ảnh của sự bình yên, mà còn chứa đựng triết lý sâu sắc về hành trình tu tập, vững vàng trong thử thách, lan tỏa từ sự tĩnh tại, và trở về với bản tâm nguyên sơ. Hành trình tìm ĐẠO, vì thế, không phải là tìm kiếm điều gì bên ngoài, mà là một cuộc trở về nơi ánh sáng trí tuệ và lòng từ bi luôn hiện hữu, chờ được khám phá trong chính mỗi người.

Hành trình trở về này không cần tìm kiếm bên ngoài, mà chỉ cần một trái tim rộng mở và một ý chí bền bỉ để nhìn sâu vào chính mình. Như trong Kinh Lăng Già (Laṅkāvatāra Sūtra) có dạy: *“Tâm tức Phật, Phật tức tâm”*, bản tâm thanh tịnh vốn đã đầy đủ tất cả phẩm tính giác ngộ. Chỉ khi tâm không còn bị che mờ

bởi vô minh và ái dục, ánh sáng của chân lý mới có thể tự nhiên hiển lộ. Con đường nội tâm ấy không có điểm kết thúc, vì mỗi khoảnh khắc của sự tỉnh thức là một bước tiến trên con đường giác ngộ. Và có lẽ, niềm biết ơn sâu sắc nhất không đến từ những gì ta đạt được, mà từ chính hành trình ta đã và đang đi qua.

Tôi thâm cảm ơn những trải nghiệm đã qua và biết ơn những nhân duyên đã từng xuất hiện, đã từng mất đi, và đang hiện có.

Tác giả: **An Tĩnh**

(Bài viết kể lại trải nghiệm và góc nhìn cá nhân của tác giả)

*** Hình ảnh trong bài chỉ là hình ảnh minh họa làm sinh động thêm cho bài viết, tất cả các ảnh được tạo bởi AI**

*** Tham khảo một số tài liệu giảng về Như lý tác ý**

1. Kinh điển Pali (Theravāda):

- Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttara Nikāya): Nơi "Như lý tác ý" được đề cập trực tiếp, nói về sự tác ý đúng đắn và không đúng đắn là nguyên nhân dẫn đến thiện và bất thiện pháp.
- Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikāya): Một số bài kinh như *Kinh Đại Niệm Xứ (Satipatthana Sutta)* và *Kinh Tứ Diệu Đế (Dhammacakkappavattana Sutta)* cũng gián tiếp nhắc đến việc quán chiếu đúng đắn, liên quan đến "Như lý tác ý".

2. Abhidhamma (Vi Diệu Pháp):

- Trong Abhidhamma, "Như lý tác ý" được phân tích sâu về mặt tâm lý học Phật giáo. Nó được xem là một trong những yếu tố tâm hành (cetasika) quan trọng giúp duy trì chánh niệm và trí tuệ.

3. Luận thư và các tác phẩm của các vị luận sư:

- Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo Luận) của ngài Buddhaghosa là một trong những tác phẩm luận giải chi tiết về thiền định và trí tuệ, trong đó có nhắc đến vai trò của như lý tác ý trong việc phát triển tuệ giác.

4. Kinh điển Đại thừa:

- Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa (Prajnaparamita Sutra): Dù không nhắc trực tiếp, nhưng tinh thần của như lý tác ý nằm trong quá trình quán

chiếu tính Không và vô thường.

-
- Luận Thành Duy Thức (Vijñaptimātratāsiddhi-sāstra): Của ngài Thế Thân (Vasubandhu), trong đó phân tích sâu về nhận thức và cách tâm vận hành, liên quan mật thiết đến như lý tác ý.

5. Các tác phẩm của các Thiền sư và Hòa thượng hiện đại:

- Hòa thượng Thích Minh Châu, Thích Nhất Hạnh, và Thích Thanh Từ đều có các bài giảng và sách viết về như lý tác ý dưới góc nhìn thiền tập và đời sống thực hành.